FireAnt

CTCP Lilama 5 (UPCOM: LO5)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	5,149,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)	105
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5
P/E	-0.6
EPS	-1,387

	YTD	1T	3T	6T
LO5	0.0%	28.6%	28.6%	0.0%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản

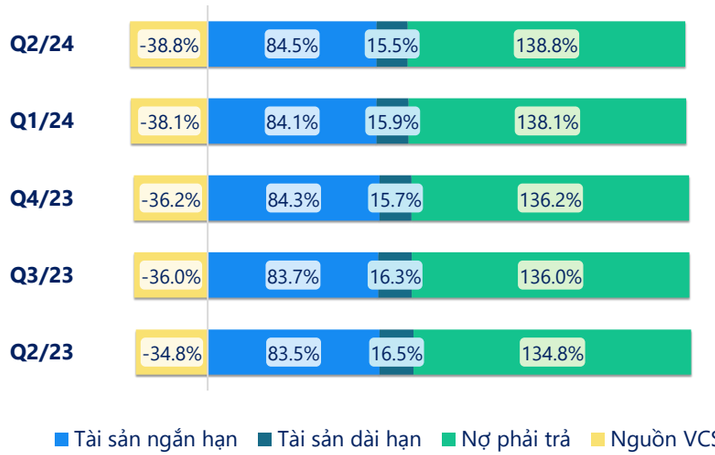

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

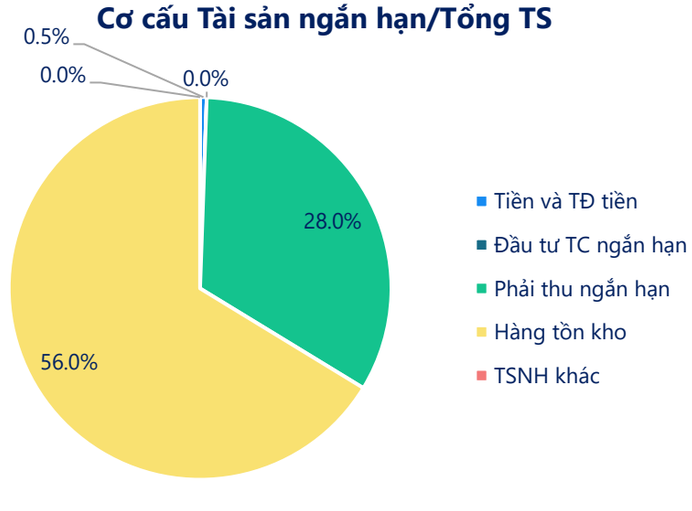

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

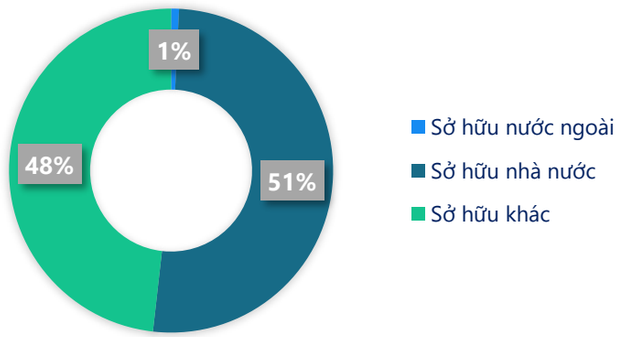

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

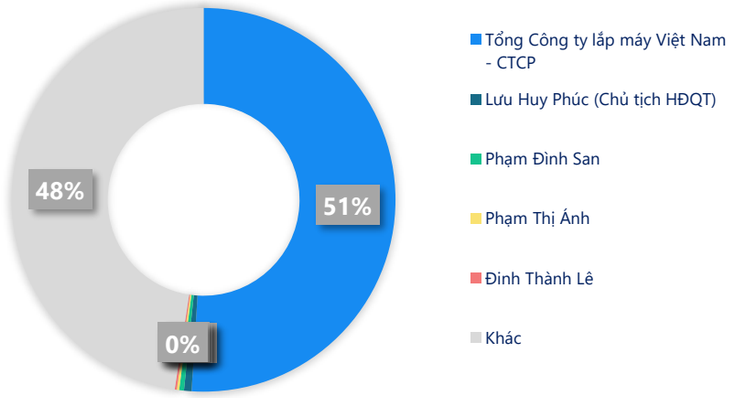

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

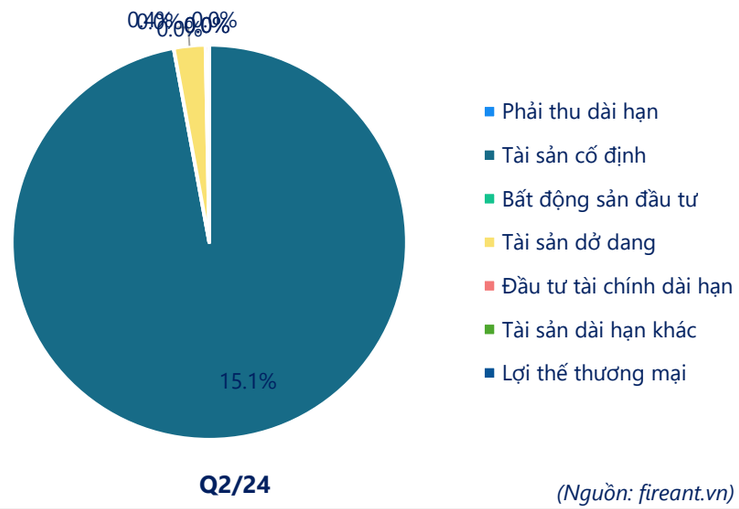

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lilama 5 (UPCOM: LO5)

Tiền và tương đương tiền

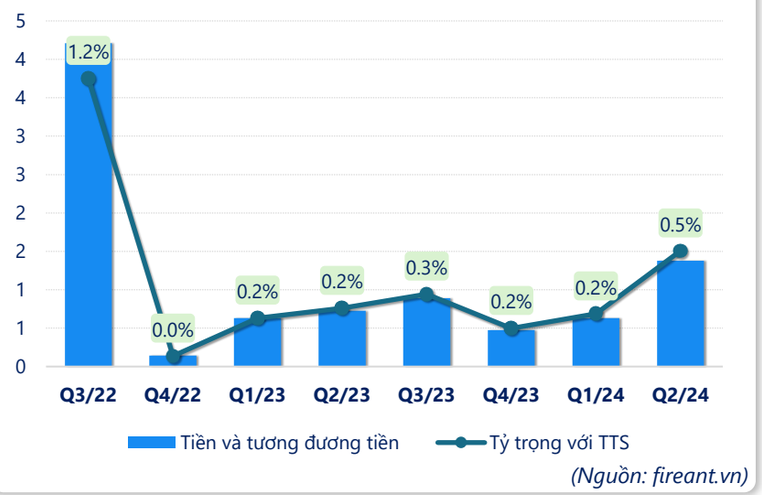

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

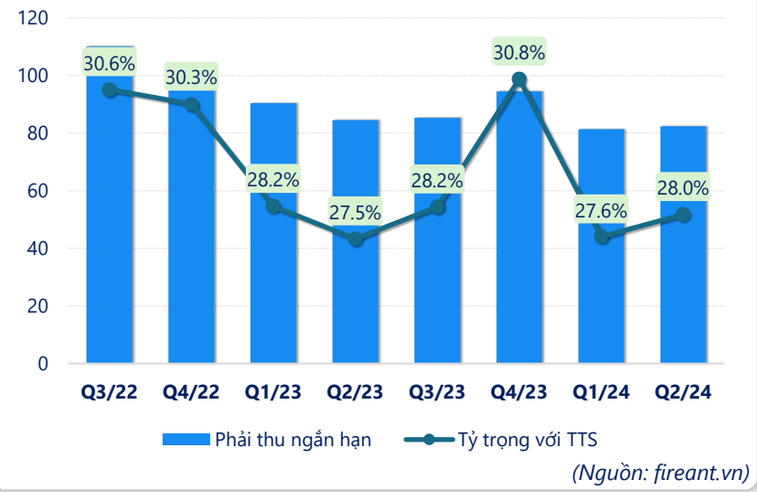

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

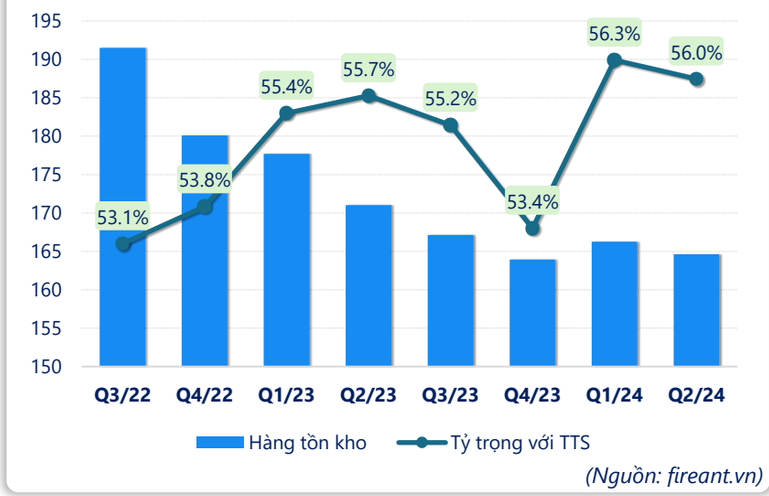

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

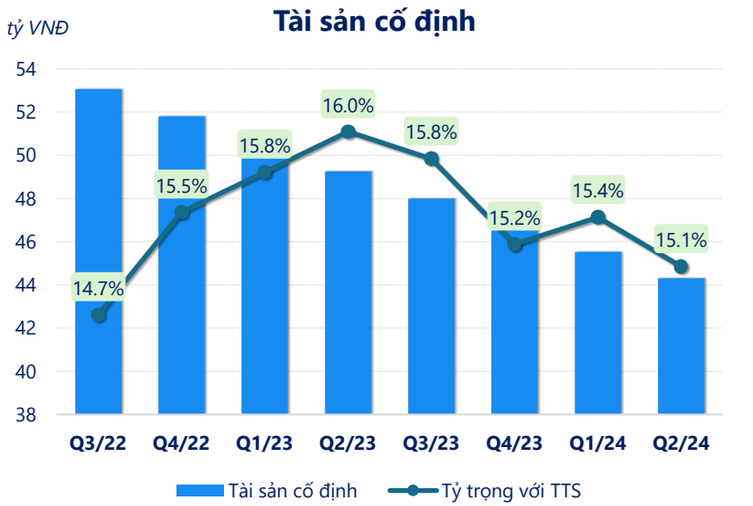

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

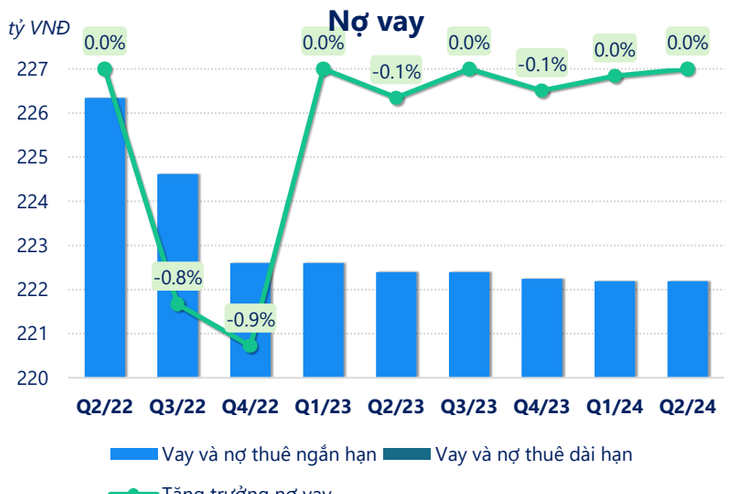

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

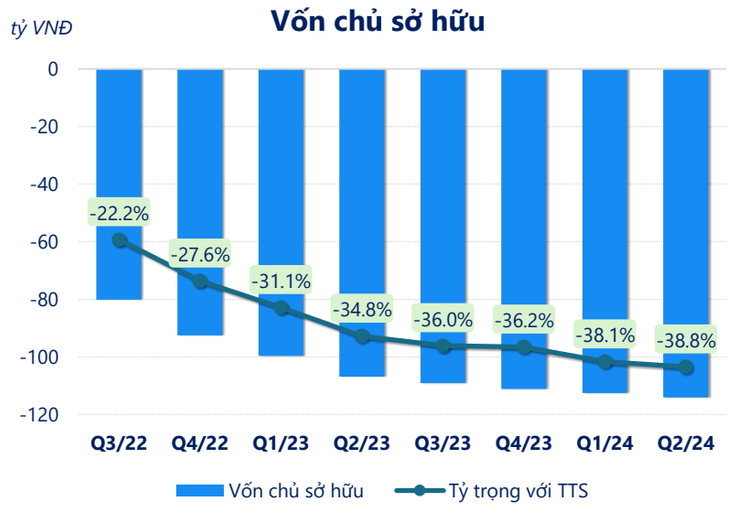

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lilama 5 (UPCOM: LO5)

Kết quả kinh doanh

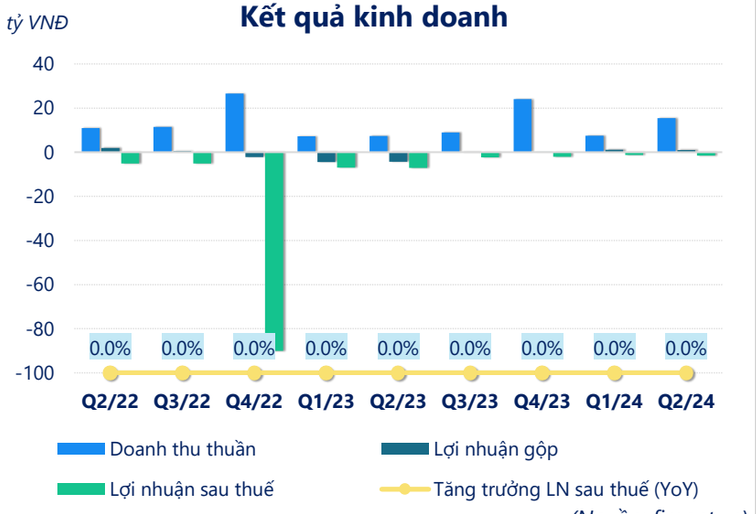

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

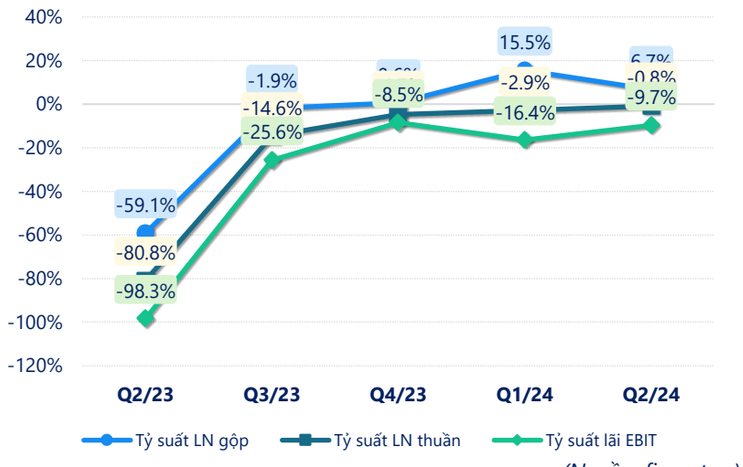

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

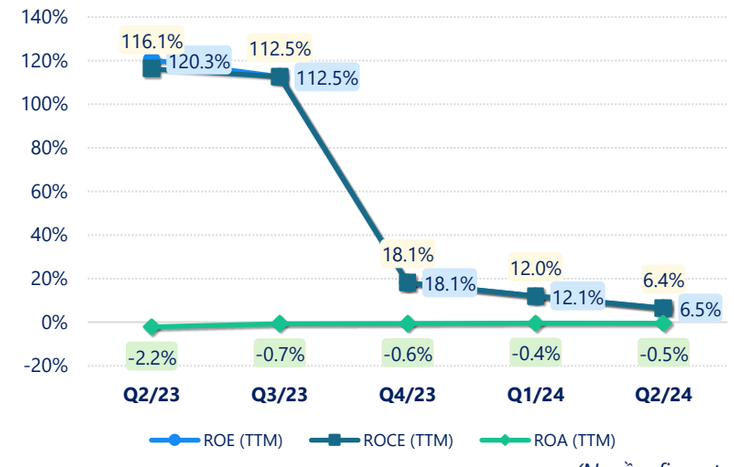

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

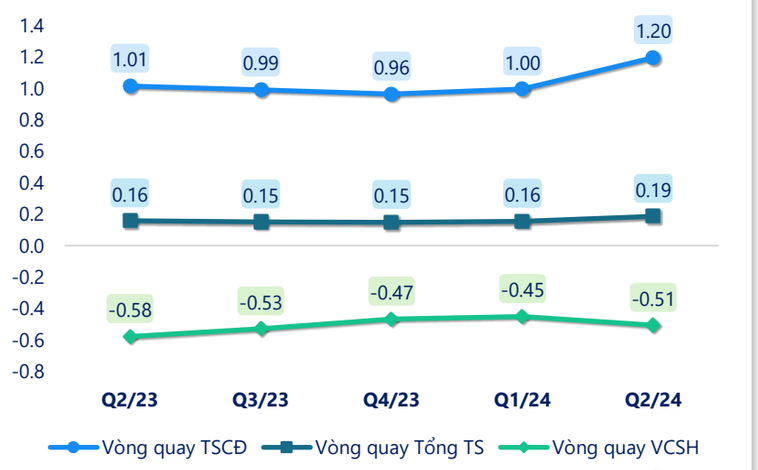

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

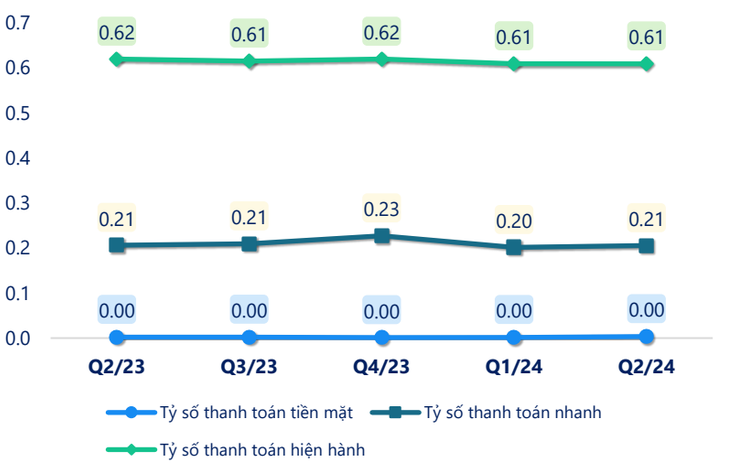

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

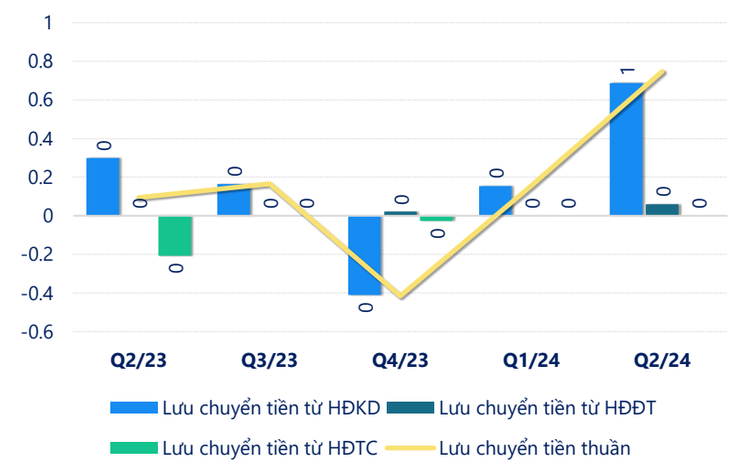

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lilama 5 (UPCOM: LO5)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**294**	**307**	**-4.2%**
Tài sản ngắn hạn	248	259	-4.0%
Tiền và tương đương tiền	1.38	0.47	190%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	82.4	94.4	-12.8%
Hàng tồn kho	165	164	0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**45.6**	**48.1**	**-5.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	44.3	46.8	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.18	1.18	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.14	0.19	-26.3%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	408	418	-2.4%
Nợ ngắn hạn	**408**	**418**	**-2.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	222	222	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.7	70.0	-4.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-114**	**-111**	**-2.5%**
Vốn chủ sở hữu	**-114**	**-111**	**-2.5%**
Vốn điều lệ	51.5	51.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	7.28	8.98	24.1	7.53	15.4
Giá vốn hàng bán	11.6	9.16	23.9	6.36	14.4
Lợi nhuận gộp	-4.30	-0.17	0.14	1.17	1.03
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.02	0.00	0.06
Chi phí TC	0.01	0	0.00	0.06	0
Chi phí lãi vay	0.01	0	0.00	0.06	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.58	1.13	1.29	1.33	1.22
LN thuần từ HĐKD	-5.88	-1.31	-1.13	-0.22	-0.13
Lợi nhuận khác	-1.28	-0.99	-0.92	-1.08	-1.36
LN trước thuế	-7.17	-2.30	-2.05	-1.30	-1.49
Lợi nhuận sau thuế	-7.17	-2.30	-2.05	-1.30	-1.49
LNST của CĐ cty mẹ	-7.17	-2.30	-2.05	-1.30	-1.49

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.30	0.16	-0.41	0.15	0.69
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.02	0.00	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.21	0	-0.03	0	0
Tiền đầu kỳ	0.63	0.72	0.89	0.47	0.63
Lưu chuyển tiền thuần	**0.09**	**0.17**	**-0.42**	**0.16**	**0.75**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.72	0.89	0.47	0.63	1.38

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic